

Draft

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2008

Draft

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh **Thông tin về Công ty**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số	0102004703	11/03/2002
	0102004703, điều chỉnh lần 1	27/10/2003
	0102004703, điều chỉnh lần 2	27/02/2006
	0102004703, điều chỉnh lần 3	03/08/2007
	0103018927	08/08/2007

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Trần Xuân Kiên	Chủ tịch
Đỗ Thị Thu Hương	Thành viên
Phạm Đức Huề	Thành viên
Đỗ Kim Liên	Thành viên
Hoàng Anh Tuấn	Thành viên
Trần Văn Tráng	Thành viên
Ngô Đức Hoàn	Thành viên
Bùi Xuân Hùng	Thành viên
Chử Thị Minh Tâm	Thành viên

Ban Giám đốc

Trần Xuân Kiên	Tổng Giám đốc
Đỗ Thị Thu Hương	Giám đốc điều hành

Trụ sở đăng ký

1174 Đường Láng, Phường Láng Thượng
Quận Đống Đa
Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2007 đến ngày 31 tháng 7 năm 2007 và cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 8 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với các báo cáo tài chính này trong các báo cáo kiểm toán ngày 11 tháng 1 năm 2008 và ngày 27 tháng 2 năm 2008 tương ứng. Số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy bằng cách cộng tổng hai báo cáo tài chính đã được kiểm toán này.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban lãnh đạo, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được Việt Nam chấp thuận.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 08-02-153

Mark E. Jerome

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0628/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội,

Trần Hằng Thu

Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0877/KTV

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Mã số	Thuyết minh	2008 VNĐ	2007 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		63.530.505.795	61.251.406.286
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	23.389.622.616	26.133.717.141
Tiền	111		6.032.512.616	26.133.717.141
Các khoản tương đương tiền	112		17.357.110.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	16.876.898.962	18.000.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		16.876.898.962	18.000.000.000
Các khoản phải thu	130		4.664.525.661	2.516.076.688
Phải thu khách hàng	131		2.231.558.897	1.612.187.472
Trả trước cho người bán	132		1.973.548.777	627.024.699
Các khoản phải thu khác	135		459.417.987	276.864.517
Hàng tồn kho	140	5	12.975.518.624	12.842.926.622
Hàng tồn kho	141		13.696.554.125	12.842.926.622
Dự phòng hàng tồn kho	149		(721.035.501)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.623.939.932	1.758.685.835
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.744.891.775	1.753.568.127
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		827.618.157	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		51.430.000	5.117.708
Tài sản dài hạn	200		6.221.687.010	4.304.810.426
Tài sản cố định	220		4.466.868.215	1.592.159.092
Tài sản cố định hữu hình	221	6	4.051.170.866	1.292.746.340
<i>Nguyên giá</i>	222		4.696.597.316	1.696.794.954
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(645.426.450)	(404.048.614)
Tài sản cố định vô hình	227	7	405.697.349	299.412.752
<i>Nguyên giá</i>	228		610.443.567	370.952.950
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(204.746.218)	(71.540.198)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		10.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		4.071.423.882	2.712.651.334
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	1.704.818.795	144.151.334
Tài sản dài hạn khác	268		2.366.605.087	2.568.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		72.068.797.892	65.556.216.712

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2008 VNĐ	2007 VNĐ
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		18.425.896.437	22.185.445.342
Nợ ngắn hạn	310		17.359.222.543	22.185.445.342
Phải trả người bán	312		9.860.683.392	16.223.220.328
Người mua trả tiền trước	313		1.520.244.037	379.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9	2.224.702.262	3.889.531.708
Phải trả công nhân viên	315		3.128.406.121	1.028.447.574
Chi phí phải trả	316		443.236.287	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		181.950.444	1.043.866.732
Vay và nợ dài hạn	330		1.066.673.894	-
Nợ dài hạn khác	333		300.198.894	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	10	766.475.000	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		53.615.239.455	43.370.771.370
Vốn chủ sở hữu	410		53.615.239.455	43.370.771.370
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	11	30.140.110.000	29.456.910.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.791.279.895	1.873.994.000
Cổ phiếu ngân quỹ	414	11	(529.555.895)	-
Quỹ đầu tư phát triển	417	12	424.368.000	-
Quỹ dự phòng tài chính	418	12	424.368.000	-
Quỹ phúc lợi nhân viên	419	12	(500.043.081)	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		21.892.374.536	12.039.867.370
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		72.068.797.892	65.556.216.712

Người lập:

Người duyệt:

Trần Thanh Tùng
Kế toán trưởng

Trần Xuân Kiên
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Mã số	Thuyết minh	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Tổng doanh thu	01	13	757.839.086.572	673.971.885.702
Các khoản giảm trừ	02	13	(3.670.330.109)	(681.308.830)
Doanh thu thuần	10		754.168.756.463	673.290.576.872
Giá vốn hàng bán	11		(675.703.922.553)	(635.472.162.962)
Lợi nhuận gộp	20		78.464.833.910	37.818.413.910
Doanh thu hoạt động tài chính	21	14	3.295.109.646	556.914.126
Chi phí tài chính	22		(10.730.112)	(31.216)
Chi phí bán hàng	24		(33.266.452.940)	(3.507.339.006)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(18.856.977.687)	(18.398.355.042)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29.625.782.817	16.469.602.772
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31		1.802.679.559	1.089.414.962
Chi phí khác	32		(1.208.865.868)	(474.322.525)
Lợi nhuận trước thuế	50		30.219.596.508	17.084.695.209
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	15	(8.526.861.812)	(4.783.714.659)
Lợi nhuận thuần	60		21.692.734.696	12.300.980.550
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		7.387	11.568

Người lập:

Người duyệt:

Trần Thanh Tùng
Kế toán trưởng

Trần Xuân Kiên
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Draft

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu ngân quỹ VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ phúc lợi nhân viên VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2007	3.000.000.000	-	-	-	-	-	(134.244.037)	2.865.755.963
Cổ đông góp vốn	26.456.910.000	1.873.994.000	-	-	-	-	-	28.330.904.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	12.300.980.550	12.300.980.550
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	126.869.143	(126.869.143)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(126.869.143)	-	(126.869.143)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	29.456.910.000	1.873.994.000	-	-	-	-	12.039.867.370	43.370.771.370
Vốn cổ phần đã phát hành	683.200.000	341.600.000	-	-	-	-	-	1.024.800.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	21.692.734.696	21.692.734.696
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	424.368.000	424.368.000	2.546.208.000	(3.394.944.000)	-
Cổ tức (Thuyết minh 17)	-	-	-	-	-	-	(8.445.283.530)	(8.445.283.530)
Mua lại cổ phiếu	-	-	(1.103.870.000)	-	-	-	-	(1.103.870.000)
Cổ phiếu quỹ bán ra	-	(424.314.105)	574.314.105	-	-	-	-	150.000.000
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(3.046.251.081)	-	(3.046.251.081)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	30.140.110.000	1.791.279.895	(529.555.895)	424.368.000	424.368.000	(500.043.081)	21.892.374.536	53.642.901.455

Người lập:

Người duyệt:

Trần Thanh Tùng
Kế toán trưởng

Trần Xuân Kiên
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Mã số	Thuyết minh	2008 VNĐ	2007 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		30.219.596.508	17.084.695.209
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		1.186.130.347	379.993.718
Các khoản dự phòng	03		1.498.288.001	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(2.866.953.252)	(556.914.126)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		30.037.061.604	16.907.774.801
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(5.783.142.187)	2.902.812.933
Biến động hàng tồn kho	10		(853.627.503)	35.013.707.747
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(3.115.060.710)	10.749.833.999
Biến động chi phí trả trước	12		-	(565.042.046)
			20.285.231.204	65.009.087.434
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(9.937.825.007)	(1.148.049.204)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	1.089.414.962
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.057.028.581)	(3.421.438.140)
Tiền thuần thu từ các hoạt động kinh doanh	20		7.290.377.616	61.529.015.052
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(6.682.059.730)	(1.286.221.095)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		1.008.197.014	-
Rút/(gửi) tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn trên 90 ngày	23		18.000.000.000	(18.000.000.000)
Tiền chi cho đầu tư khác	26		(16.876.898.962)	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		2.890.643.067	-
Tiền thuần chi cho các hoạt động đầu tư	30		(1.660.118.612)	(19.286.221.095)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

	Mã	Thuyết	2008	2007
	số	minh	VNĐ	VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Thu lãi tiền gửi	31		1.024.800.000	28.330.904.000
Tiền chi mua lại cổ phiếu	32		(1.103.870.000)	-
Tiền thu từ bán cổ phiếu quỹ	32		150.000.000	-
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		-	28.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(75.755.471.000)
Tiền trả cổ tức	36		(8.445.283.530)	-
Tiền thuần chi cho các hoạt động tài chính	40		(8.374.353.530)	(19.424.567.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.744.094.525)	22.818.226.957
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		26.133.717.141	3.315.490.184
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	3	23.389.622.616	26.133.717.141

Người lập:

Người duyệt:

Trần Thanh Tùng
Kế toán trưởng

Trần Xuân Kiên
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh và cung cấp dịch vụ bảo hành thiết bị tin học, điện tử và viễn thông.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 Công ty có 381 nhân viên (2007: 245 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Cơ sở kế toán chung

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được Việt Nam chấp thuận.

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích sử dụng khái niệm giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá chưa và đã thực hiện được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(e) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban lãnh đạo cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- thiết bị văn phòng và cửa hàng 3 – 7 năm
- phương tiện vận chuyển 6 năm
- nâng cấp của hàng 3 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

(j) Chí phí trả trước dài hạn

Công cụ dụng cụ

Công cụ dụng cụ được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(k) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực hóa được.

(n) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(o) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(q) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	2008	2007
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	643.642.798	13.582.984.743
Tiền gửi ngân hàng	5.388.869.818	12.550.732.398
Các khoản tương đương tiền	17.357.110.000	-
	<hr/>	<hr/>
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.389.622.616	26.133.717.141
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Bao gồm trong tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 có số ngoại tệ xấp xỉ 1.800 triệu VNĐ (2007: bằng không).

4. Đầu tư ngắn hạn

	2008	2007
	VNĐ	VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn	-	18.000.000.000
Đầu tư khác	16.876.898.962	-
	<hr/>	<hr/>
	16.876.898.962	18.000.000.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Đầu tư khác phản ánh khoản đầu tư do cho Giám đốc Điều hành của Công ty được ủy quyền thay mặt Công ty đầu tư. Khoản đầu tư tại thời điểm hiện tại được thể hiện dưới dạng khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng dưới tên Giám đốc Điều hành. Việc Giám đốc Điều hành thực hiện khoản đầu tư đó thay mặt cho Công ty đã được phê duyệt bởi Hội đồng Thành viên của Công ty mà Giám đốc Điều hành cũng là một thành viên của Hội đồng Thành viên. Theo các quyết định của Hội đồng thành viên, toàn bộ lợi nhuận từ khoản đầu tư mà Giám đốc Điều hành thực hiện thay Công ty là thuộc về Công ty và Giám đốc Điều hành phải bồi thường toàn bộ tổn thất hoặc các chi phí sử dụng cho mục đích cá nhân. Khoản đầu tư phải hoàn trả theo yêu cầu của Công ty.

5. Hàng tồn kho

	2008	2007
	VNĐ	VNĐ
Công cụ và dụng cụ	143.367.372	-
Thành phẩm	850.681.525	80.736.249
Hàng hóa	12.702.505.228	12.762.190.373
	<hr/>	<hr/>
	13.696.554.125	12.842.926.622
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(721.035.501)	-
	<hr/>	<hr/>
	12.975.518.624	12.842.926.622
	<hr/>	<hr/>

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

	2008	2007
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu năm	-	-
Tăng dự phòng trong năm	721.035.501	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	721.035.501	-
	<hr/>	<hr/>

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 có 3.357 triệu VNĐ (2007: bằng không) hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

6. Tài sản cố định hữu hình

	Thiết bị văn phòng và cửa hàng VNĐ	Nâng cấp cửa hàng VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	554.394.954	-	1.142.400.000	1.696.794.954
Tăng trong năm	2.068.749.250	2.465.129.198	-	4.533.878.448
Thanh lý	(351.226.554)	-	(1.142.400.000)	(1.493.626.554)
Xóa sổ	(40.449.532)	-	-	(40.449.532)
Số dư cuối năm	2.231.468.118	2.465.129.198	-	4.696.597.316
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	229.515.281	-	174.533.333	404.048.614
Khấu hao trong năm	315.634.814	304.066.309	95.200.000	714.901.123
Thanh lý	(163.340.422)	-	(269.733.333)	(433.073.755)
Xóa sổ	(40.449.532)	-	-	(40.449.532)
Số dư cuối năm	341.360.141	304.066.309	-	645.426.450
Giá trị còn lại				
Số dư cuối năm	1.890.107.977	2.161.062.889	-	4.051.170.866
Số dư đầu năm	324.879.673	-	967.866.667	1.292.746.340

7. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VNĐ
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	370.952.950
Tăng trong năm	239.490.617
	<hr/>
Số dư cuối năm	610.443.567
	<hr/>
Số dư đầu năm	71.540.198
Khấu hao trong năm	133.206.020
	<hr/>
Số dư cuối năm	204.746.218
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư cuối năm	405.697.349
Số dư đầu năm	299.412.752
	<hr/> <hr/>

8. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VNĐ
Số dư đầu năm	144.151.334
Tăng trong năm	1.898.690.665
Phân bổ trong năm	(338.023.204)
	<hr/>
Số dư cuối năm	1.704.818.795
	<hr/> <hr/>

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Thuế		
Thuế giá trị gia tăng	-	253.866.251
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.224.702.262	3.635.665.457
	<hr/>	<hr/>
	2.224.702.262	3.889.531.708
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

10. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động của khoản dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	Trợ cấp thôi việc VNĐ
Số dư đầu năm	-
Dự phòng lập trong năm	777.252.500
Dự phòng sử dụng trong năm	(10.777.500)
	<hr/>
Số dư cuối năm	766.475.000
	<hr/>

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ (hiện tại là 540.000 Đồng/tháng). Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

11. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	2008		2007	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt	3.146.000	31.460.000.000	3.000.000	30.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	3.014.011	30.140.110.000	2.945.691	29.456.910.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(13.831)	(138.310.000)	-	-
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	3.000.180	30.001.800.000	2.945.691	29.456.910.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Theo điều lệ của Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh, cổ phiếu chưa thanh toán không được quyền chia cổ tức.

Theo quy định trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, tổng vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000VNĐ. Tại ngày 31 tháng 7 năm 2008, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua nghị quyết tăng vốn điều lệ của Công ty lên 31.460.000.000VNĐ. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận cho công ty phát hành 146.000 cổ phiếu bổ sung bằng Công văn số 1842/UBCK-QLPH ngày 11 tháng 9 năm 2008. Tuy nhiên, Công ty vẫn chưa xin được Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh chính thức.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2008		2007	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Số dư đầu năm	2.945.691	29.456.910.000	300.000	3.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	68.320	683.200.000	2.645.691	26.456.910.000
Số dư cuối năm	3.014.011	30.140.110.000	2.945.691	29.456.910.000

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

Biến động cổ phiếu quỹ trong năm như sau:

	2008		2007	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Số dư đầu năm	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ mua trong năm	28.831	1.103.870.000	-	-
Cổ phiếu quỹ phát hành trong năm	(15.000)	574.314.105	-	-
	<hr/>			
Số dư cuối năm	13.831	529.555.895	-	-
	<hr/>			

12. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Theo biên bản của Đại hội đồng Cổ đông ngày 24 tháng 1 năm 2008, Công ty đã chuyển 424.368.000VNĐ lợi nhuận sau thuế của năm 2007 vào quỹ đầu tư và phát triển thuộc nguồn vốn chủ sở hữu. Khi các quỹ này được sử dụng, số tiền được sử dụng sẽ được chuyển sang vốn cổ phần.

(ii) Quỹ dự phòng tài chính

Theo biên bản của Đại hội đồng Cổ đông ngày 24 tháng 1 năm 2008, Công ty đã chuyển số tiền 424.368.000VNĐ lợi nhuận sau thuế của năm 2007 vào quỹ dự phòng tài chính trong nguồn vốn chủ sở hữu.

(iii) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Theo biên bản của Đại hội đồng Cổ đông ngày 24 tháng 1 năm 2008, Công ty đã chuyển 2.546.208.000VNĐ lợi nhuận sau thuế của năm 2007 vào quỹ khen thưởng phúc lợi thuộc nguồn vốn chủ sở hữu.

Số quỹ sử dụng năm nay phản ánh khoản thanh toán khen thưởng năm 2007 cho nhân viên.

Các khoản thanh toán phụ trội sẽ được thu hồi từ khoản phân bổ lợi nhuận năm 2008.

13. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hoá đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2008	2007
	VNĐ	VNĐ
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng	757.839.086.572	673.971.885.702
Giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(3.670.330.109)	(681.308.830)
Doanh thu thuần	<u>754.168.756.463</u>	<u>673.290.576.872</u>

14. Doanh thu hoạt động tài chính

	2008	2007
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền gửi và cho vay	2.919.309.037	556.914.126
Doanh thu hoạt động tài chính khác	375.800.609	-
Doanh thu hoạt động tài chính	<u>3.295.109.646</u>	<u>556.914.126</u>

15. Thuế thu nhập**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2008	2007
	VNĐ	VNĐ
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện tại	8.478.812.607	4.783.714.659
Dự phòng thiếu trong các năm trước	48.049.205	-
Chi phí thuế hiện hành	<u>8.526.861.812</u>	<u>4.783.714.659</u>

(b) Đối chiếu thuế suất hiệu quả

	2008	2007
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	30.219.596.508	17.084.695.209
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	8.461.487.022	4.783.714.659
Dự phòng thiếu trong những năm trước	48.049.205	-
Chi phí không được khấu trừ	17.325.585	-
	<u>8.526.861.812</u>	<u>4.783.714.659</u>

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 28% trên lợi nhuận tính thuế.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, thuế suất thuế thu nhập của Công ty giảm từ 28% xuống 25% do thay đổi trong luật thuế thu nhập có hiệu lực .

16. Lãi trên cổ phiếu**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 được dựa trên số lợi nhuận và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu thông đang lưu hành được thực hiện như sau:

Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	2008	2007
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận thuần trong năm	21.692.734.696	12.300.980.550
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	<u>21.692.734.696</u>	<u>12.300.980.550</u>

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành

	2008	2007
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	2.945.691	300.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành vào tháng 7 năm 2007	-	745.205
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành vào tháng 12 năm 2007	-	18.137
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành vào tháng 12 năm 2008	4.794	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu giảm trong năm	(13.735)	-
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	2.936.750	1.063.342

17. Cổ tức

Cuộc họp của Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 15 tháng 1 năm 2008 và ngày 21 tháng 11 năm 2008 đã quyết định phân phối khoản cổ tức trị giá tương ứng là 8,3% mệnh giá cổ phiếu và 20% mệnh giá cổ phiếu.

18. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày 31 tháng 12	
	2008 VNĐ	2007 VNĐ	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Các cổ đông				
Trần Xuân Kiên				
Tiền lương và thưởng	343.608.927	225.420.000	53.017.000	103.805.000
Trả cổ tức	2.280.000.000	-	-	-
Đỗ Thị Thu Hường				
Tiền lương và thưởng	291.620.054	184.000.000	45.838.000	82.805.000
Trả cổ tức	2.292.040.000	-	-	-
Vay	16.876.898.962	-	16.876.898.962	-
Lãi vay	o/s from Client	-	o/s from Client	-
Phạm Đắc Huệ				
Tiền lương và thưởng	248.842.117	128.391.258	37.648.846	68.315.485
Trả cổ tức	240.000.000	-	-	-
Đỗ Thị Kim Liên				
Tiền lương và thưởng	175.407.734	90.254.746	26.778.828	37.546.254
Trả cổ tức	240.480.000	-	-	-

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày 31 tháng 12	
	2008	2007	2008	2007
	VND	VND	VND	VND
Hoàng Anh Tuấn				
Tiền lương và thưởng	194.618.327	111.957.900	31.011.001	57.700.100
Trả cổ tức	244.800.000	-	-	-
Trần Thị Vân Trang				
Tiền lương và thưởng	160.065.940	88.224.615	24.174.943	32.133.615
Trả cổ tức	240.000.000	-	-	-

19. Cam kết

(a) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	2008	2007
	VND	VND
Trong vòng một năm	17.312.669.244	120.000.000
Trong vòng hai đến năm năm	59.999.604.090	-
Sau năm năm	43.130.000.592	-
	<u>120.442.273.926</u>	<u>120.000.000</u>

20. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2008	2007
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	675.703.922.553	637.875.315.809
Chi phí nhân công	20.336.857.921	9.610.686.405
Chi phí khấu hao	1.186.130.347	379.993.718
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.887.489.604	7.484.620.898
Chi phí khác	11.648.899.954	2.027.240.180

21. Số liệu so sánh

Trong năm trước, báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ đã được lập cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2007 đến 31 tháng 7 năm 2007 và cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 8 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007. Để đảm bảo rằng số liệu của năm nay tương ứng với số liệu của năm trước, số liệu so sánh của báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh liên quan của báo cáo tài chính được lấy bằng cách cộng tổng hai bộ số liệu này.

Người lập:

Người duyệt:

Trần Thanh Tùng

Kế toán trưởng

Trần Xuân Kiên

Tổng Giám đốc